

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **150/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/8/2026

Về việc: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Danh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Dũng và ông Ngô Đình Tư

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Thị Vân – Thẩm tra viên

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An tham gia phiên
tòa:*** bà Tăng Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 202/2026/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 05 năm 2026 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 290/2026/QĐST-DS ngày 17/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2026/QĐ-DS ngày 06/8/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đậu Thị V**, sinh năm 1989 – có đơn xin vắng mặt;

Nơi cư trú: **xóm C (nay là xóm M), xã D, tỉnh Nghệ An**

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1989 – vắng mặt;

Nơi cư trú: **xóm B (nay là xóm T), xã H, tỉnh Nghệ An.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện được bổ sung tại bản tự khai nguyên đơn chị **Đậu Thị V** trình bày:* chị và anh **Nguyễn Văn G** kết hôn với nhau vào ngày 09/11/2012, hôn nhân trên cơ sở tình yêu, hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã D, huyện D (nay là xã H), tỉnh Nghệ An**. Sau ngày kết hôn hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì hai vợ chồng đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Do điều kiện công việc mỗi người một nước khác nhau, khoảng cách về địa lý nên dần dần vợ chồng ít liên lạc với nhau, tình cảm phai nhạt, hai vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Nguyễn Văn G**.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 10/11/2013 và Nguyễn Thùy L, sinh ngày 01/9/2016. Ly hôn chị Đậu Thị V có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cả hai con chung. Chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn G thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An đã tiến hành tổng đạt cho người thân của anh Nguyễn Văn G các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải. Tại Đơn đề nghị người thân của anh Nguyễn Văn G là bà Phạm Thị N (mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn G) trình bày: Hiện nay, Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An đang giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa chị Đậu Thị V và anh Nguyễn Văn G nhưng con trai bà hiện nay không có nhà, bà cũng không biết anh G đang ở đâu làm gì bà nghe thông tin anh G đang ở S, anh G vẫn thường xuyên gọi điện thoại về cho gia đình. Bà đã nhận được các văn bản của Tòa án gửi về có nội dung hiện đang giải quyết ly hôn, nuôi con chung do chị V khởi kiện và đã thông báo lại cho anh G, anh G hoàn toàn nhất trí nhưng không về làm được các thủ tục tại Tòa án. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án tạo điều kiện hỗ trợ chị V trong các thủ tục giải quyết vụ án vì thực tế hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, tình cảm đã hết, khó có cơ hội đoàn tụ, các cháu đang sống với mẹ, tôi không có ý kiến gì vì đó là việc hai vợ chồng bàn bạc và quyết định. Bản thân bà già yếu lại bị bệnh phải đi viện thường xuyên nên xin vắng mặt. Bà cam kết và sẽ chịu trách nhiệm về các nội dung trên.

Qua xác minh tại Công an xã H thì anh Nguyễn Văn G có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm B (nay là xóm T), xã H, tỉnh Nghệ An, hiện không có mặt và sinh sống tại địa phương, việc anh G đi đâu làm gì, địa chỉ cụ thể chính quyền địa phương hiện không biết rõ. Do đó, tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đánh giá trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Tòa án mở phiên tòa đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật và có đơn xin vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt ở các phiên hòa giải nên Tòa án đưa vụ án xét xử vắng mặt

đối với nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại điều 227, điều 228, điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Tòa án áp dụng các điều khoản 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị **Đậu Thị V** được ly hôn anh **Nguyễn Văn G**; về con chung: giao hai con chung **Nguyễn Gia H**, sinh ngày 10/11/2013 và **Nguyễn Thùy L**, sinh ngày 01/9/2016 cho chị **Đậu Thị V** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành; việc cấp dưỡng do đương sự không yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết; án phí: chị **Đậu Thị V** phải chịu án phí theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh **Nguyễn Văn G** có đăng ký hộ khẩu tại **xóm T, xã H, tỉnh Nghệ An** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Nghệ An theo quy định tại điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết, xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với anh **Nguyễn Văn G** và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Chị **Đậu Thị V** đã thông báo đến anh **Nguyễn Văn G** toàn bộ nội dung khởi kiện nhưng anh **G** vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ vào các điều 70, điều 207, điều 227, điều 228, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025; điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết và xét xử vắng mặt chị **Đậu Thị V** và anh **Nguyễn Văn G**.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng: Hôn nhân giữa chị **Đậu Thị V** và anh **Nguyễn Văn G** là hoàn toàn hợp pháp, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian ngắn chung sống hạnh phúc giữa chị **V** và anh **G** đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do sự xa cách vì điều kiện công việc, cuộc sống nên dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Quá trình làm việc tại Tòa án, chị **V** cũng xác định không còn tình cảm gì với anh **G** nữa, hiện nay đã sống ly thân

nhau, không có khả năng đoàn tụ với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Nguyễn Văn G**. Riêng anh **G**, sau khi được thông báo toàn bộ nội dung khởi kiện của chị **V** về việc ly hôn, nuôi con chung vẫn vắng mặt tại các phiên hòa giải và không có ý kiến gì về việc Tòa án giải quyết ly hôn cũng như nuôi con chung. Điều đó chứng tỏ rằng mối quan hệ giữa chị **V** và anh **G** đã thực sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được, bởi vậy cần áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết cho chị **Đậu Thị V** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn G**.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là **Nguyễn Gia H**, sinh ngày 10/11/2013 và **Nguyễn Thùy L**, sinh ngày 01/9/2016, hiện nay đang ở với chị **V**. Xét chị **V** có địa chỉ cư trú rõ ràng, đủ các điều kiện cơ sở vật chất, thu nhập kinh tế để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung. Căn cứ điều kiện nuôi con thực tế và xét nguyện vọng của các con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên giao cả hai con chung cho chị **Đậu Thị V** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành là phù hợp và đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của các cháu. Chị **Đậu Thị V** không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **Nguyễn Văn G**.

[4]. Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5]. Án phí: Chị **Đậu Thị V** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56; điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: chị **Đậu Thị V** được ly hôn anh **Nguyễn Văn G**.

2. Về con chung: Giao hai con chung **Nguyễn Gia H**, sinh ngày 10/11/2013 và **Nguyễn Thùy L**, sinh ngày 01/9/2016 cho chị **Đậu Thị V** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh **Nguyễn Văn G**.

Anh **Nguyễn Văn G** có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị **Đậu Thị V** phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, án phí của chị **Đậu Thị V** được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003115 ngày 24/4/2026.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **Đậu Thị V** và anh **Nguyễn Văn G** vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND Khu vực 3 – Nghệ An;
- THA dân sự tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Hải Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Danh Hùng

